

Bản án số: 258/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-03-2024
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy B Chính – Kiểm sát viên.

Ngày 12/03/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1334/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1996, địa chỉ: Tô Ngọc V, Phường ML, Quận G, Tp.Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Gia B, sinh năm 1993, địa chỉ: Tô Ngọc V, Phường ML, Quận G, Tp.Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 11/10/2023, bản tự khai ngày 13/12/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông B kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ML, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có hai con chung là Trần Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 24/08/2016 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19/02/2019. Hạnh phúc gia đình kéo dài được 07 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân được 04 tháng. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin được ly hôn với ông B. Về con chung bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai con. Về tài sản chung, nợ chung bà H khai không có.

Bị đơn ông Trần Gia B mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Gia B là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn đang cư trú tại quận G, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Nguyên đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 85, do Ủy ban nhân dân phường ML, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông B, bà H ngày 22/07/2016 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà H yêu cầu được ly hôn với ông B vì cho rằng tính tình không hòa hợp, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn.

Ông B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tiến hành ghi lời khai và hòa giải, nhưng ông B vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà H. Điều này thể hiện ông B không

có nguyện vọng được hàn gắn tình cảm, không muốn duy trì tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Nay bà H kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông B đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu giải quyết ly hôn với ông B là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 24/08/2016 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19/02/2019, yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho các con. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con cũng như xem xét nguyện vọng của con. Xét, trẻ Trần Nguyễn Bảo Q có nguyện vọng ở với bà H. Ông B không đến Tòa án, tuy nhiên, ban đầu trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ông B cũng thống nhất giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông B cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà H, giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng thành. Vì quyền lợi con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Gia B

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Gia B. (Giấy chứng nhận kết hôn số 85, do Ủy ban nhân dân phường ML, quận G,

Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông B, bà H ngày 22/07/2016 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao hai trẻ Trần Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 24/08/2016 và Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 19/02/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho hai trẻ (mỗi trẻ 1.500.000 đồng), cho đến khi các con trưởng thành.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của ông B.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà H chịu, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0012647 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Bà H đã nộp đủ án phí.

Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND quận G;
- CCTHADS quận G;
- UBND phường ML, Q G,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Tô Văn Mạnh

- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ .

Tô Văn Mạnh